

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/LĐ-ST

Ngày: 20/5/2019

*“V/v: Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tình;

Ông Bò Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-LĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-LĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-LĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Minh T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Quốc, sinh năm 1979; địa chỉ: phường a, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/01/2019); Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn VC; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Y Ch Ch - Chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn VC; Vắng mặt.

3- Người làm chứng:

3.1. Ông H Ch Y, sinh năm 1965, địa chỉ: Cụm Công nghiệp P, xã C, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Lệ Cơ, Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Pt, địa chỉ: khu phố c, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2019, bản tự khai, nguyên đơn ông Dương Minh T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q thống nhất, trình bày:

Ông Dương Minh T ký kết Hợp đồng lao động số 201700003 ngày 01/10/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018. Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật viên, cụ thể công việc ông Dương Minh T là nhân viên kỹ thuật sơn, quản lý từ 3 đến 10 công nhân sản xuất, chế biến sơn tại nhà xưởng của công ty hoặc khi có yêu cầu của khách hàng. Ông T có kinh nghiệm hơn 14 năm làm kỹ thuật viên sơn tại các công ty sản xuất và chế biến sơn như Công ty TNHH V (VN) tại KCN A Biên Hòa, Đồng Nai; Công ty TNHH S, KCN T, Biên Hòa, Đồng Nai... và khi vào làm việc tại Công ty TNHH V C, có gửi kèm bản gốc Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2013, 01/01/2015 với Công ty TNHH S và Sổ bảo hiểm xã hội số 4704055834 mở ngày 26/01/2005 với Công ty TNHH V (VN). Về tiền lương thực lãnh hàng tháng của ông T là 40.000.000 đồng/01 tháng, bao gồm:

Lương cơ bản: 4.258.600 đồng; Phụ cấp chức vụ: 300.000 đồng; Phụ cấp trách nhiệm: 200.000 đồng; Phụ cấp độc hại: 175.000 đồng; Phụ cấp nhà ở: 1.000.000 đồng; Hỗ trợ phí xăng: 1.500.000 đồng; Hỗ trợ phí điện thoại: 650.000 đồng; Trợ cấp khác: 5.000.000 đồng; Hỗ trợ tiền ăn: 390.000 đồng; Thưởng hiệu suất: 14.226.400 đồng; Tiền thưởng kỹ thuật: 12.000.000 đồng; Tiền thưởng chuyên cần: 300.000 đồng; Tổng lương: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Trừ đi các khoản trích nộp: Phí công đoàn: 42.500 đồng; BHYT, TN, YT: 499.653 đồng; Thuế TNCN: 2.897.069 đồng; Còn lại tiền lương thực nhận của nguyên đơn là 36.560.778 đồng; Về chi phí gồm có phụ cấp xăng xe hàng tháng: Tại khoản 1 Điều 3 Hợp đồng lao động số 201700003 ngày 01/10/2017 có ghi: Người lao động có quyền lợi được hưởng phụ cấp và thưởng theo chính sách, đánh giá hàng tháng của công ty.

Tại khoản 2 Điều 4 Hợp đồng lao động quy định: Công ty thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người lao động theo hợp đồng lao động. Về tiền phụ cấp xăng xe thì công ty sẽ thanh toán chi phí cho ông T sau khi hoàn tất bảng quyết toán chi phí kèm tài liệu hóa đơn, chứng từ gửi về cho bộ phận hành chính, kế toán (Gửi cho nhân viên Nguyễn V) thu nhận hóa đơn cước phí, cầu đường vào ngày 30 (tây) hàng tháng.

Tháng 09/2018 và tháng 10/2018 ông T đã gửi bảng quyết toán chi phí kèm tài liệu hóa đơn, chứng từ cho nhân viên Nguyễn V nhưng công ty chưa thanh toán cho ông Tuấn gồm có:

Tiền xăng: 7.657.000 đồng; Cước phí cầu đường: 1.180.000 đồng, cộng số tiền phụ cấp xăng xe tháng 9/2018 : 8.837.000 đồng. Tháng 10/2018, theo số ngày thực tế

10 ngày làm việc có sử dụng xe công ty gồm tiền xăng: 2.600.000 đồng, cước phí cầu đường: 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền phụ cấp xăng xe tháng 10/2018: 2.900.000 đồng. Công ty TNHH V C đơn phương ban hành văn bản không thanh toán các khoản nêu trên, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và thông báo khấu trừ toàn bộ lương còn lại của ông Tuấn gửi cho tất cả các khách hàng và nội bộ công ty.

Ngày 11/10/2018, Công ty thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và phát đi thông báo gửi đến các đối tác, khách hàng. Mặc dù, ngày 12/10/2018 ông T vẫn đi làm việc (Đòi nợ khách hàng do Công ty phân công), nguyên đơn biết được các văn bản này từ nhân viên Nguyễn V.

Công ty thông báo khấu trừ toàn bộ lương của ông T trong vòng 01 tháng vào lúc 8 giờ 27 phút ngày 22/10/2018, thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Không còn là nhân viên công ty nhưng có trách nhiệm giải quyết công nợ) vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 12/11/2018.

Thông báo yêu cầu thanh toán công nợ ngày 06/10/2018 của Công ty TNHH V C gửi và Công ty TNHH P phản hồi vào lúc 08 giờ ngày 11/10/2018. Công ty chính thức ban hành Quyết định nghỉ việc ngày 15/10/2018 cùng việc chốt sổ bảo hiểm xã hội ngày 20/10/2018 của ông Tuấn, chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Như vậy Công ty TNHH V C đã vi phạm thời gian báo trước là 41 ngày.

Ngày 12/12/2018, ông T nộp đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C. Trong đơn khởi kiện kèm theo các tài liệu chứng cứ, ông T cho rằng Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Ông Dương Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C thanh toán như sau:

- Tiền lương của tháng 9 năm 2018 là 40.000.000 đồng
- 10 ngày tiền lương của tháng 10 năm 2018 là 13.300.000 đồng
- Tiền phụ cấp xăng xe tháng 9 năm 2018 là 8.700.000 đồng
- Tiền phụ cấp xăng xe tháng 10 năm 2018 là 2.900.000 đồng

Tổng cộng là 64.900.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm ngàn đồng).

Sau đó, ông Tuấn có đơn xin sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện về việc công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết:

1- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C phải thanh toán tiền lương tháng 9 năm 2018 và tiền lương 14 ngày (thực tế là 12 làm việc) của tháng 10 năm 2018:

Trong đó, lương hàng tháng là 40.000.000 đồng, trừ đi các khoản trích lập: Phí công đoàn: 42.500 đồng; BHYT, TN, YT: 499.653 đồng; Thuế TNCN: 2.897.069 đồng; Còn lại lương thực nhận tháng 9 năm 2018 là $40.000.000 - (42.500 + 499.653 + 2.897.069) = 36.560.778$ đồng; Tổng cộng: $36.560.778 + (36.560.778 \times 12)/26$ ngày = $36.560.778$ đồng + $16.874.205$ đồng = $53.434.983$ đồng

2- Do công ty chậm thanh toán tiền lương tháng 9 (quá 15 ngày) nên phải trả thêm tiền chậm trả bằng lãi suất huy động 01 tháng tương ứng số ngày chậm trả. Ngân hàng Nhà nước qui định mức lãi suất huy động tiền gửi loại 01 tháng là 5,5%/năm. Từ

25/10/2018 đến 12/12/2018 là 01 tháng 18 ngày, số tiền chậm trả lương: $36.560.778 \times (5,5\%/12) \times 1 \text{ tháng} = 188.570 \text{ đồng}$.

3- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C thanh toán tiền phụ cấp xăng xe cho ông T tháng 9 năm 2018 là 8.837.000 đồng và 10 ngày của tháng 10 năm 2018 là 2.900.000 đồng (Do ngày 11 tháng 10 năm 2018 Công ty thông báo cho ông T yêu cầu bàn giao trả xe và không còn là nhân viên của công ty), tổng cộng 11.737.000 đồng.

4- Buộc Công ty Vũ C bồi thường 2 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động không đúng pháp luật: $36.560.778 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 73.121.534 \text{ đồng}$.

5- Hủy quyết định nghỉ việc ngày 15/10/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vũ Chấn về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Dương Minh T trái pháp luật.

6- Bồi thường 2 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 73.121.556 đồng.

7- Công ty vi phạm thời hạn báo trước là 41 ngày nên phải bồi thường tương ứng 41 ngày lương là 57.653.534 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản là 339.345.387 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho ông T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Công ty TNHH V C nhận lại làm việc (Ông T không muốn tiếp tục vào làm việc lại cho công ty), rút một phần yêu cầu về việc buộc công ty TNHH V C bồi thường 02 tháng tiền lương là 73.121.556 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 11/01/2019, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C do ông Ông Y Ch Ch - Chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; Vắng mặt có lời trình bày:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về giao kết hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018 với mức lương thực lãnh là 40.000.000 đồng/tháng và công việc được phân công theo hợp đồng lao động đối với ông Dương Minh T. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật và không chấp nhận hủy quyết định cho thôi việc đối với ông T, không chấp nhận việc ông T trở lại làm việc với lý do: Ông T đã không hoàn thành công việc của mình mặc dù công ty giao xe ô tô cho ông T đi đòi nợ khách hàng nhưng không hoàn thành nhiệm vụ; có một số khách hàng đã trả nợ cho ông Tuấn như Công ty P nhưng ông không trả lại cho công ty, thông qua việc xác minh của công ty tháng 9/2018, được biết ông T thành lập công ty riêng của mình, mang nguồn khách hàng của công ty sang cho công ty riêng của ông T, đã vi phạm nội quy công ty, kéo khách hàng về phía công ty riêng của ông T nên Công ty quyết định cho ông T thôi việc là đúng. Do đó, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2019, người làm chứng ông S C Y (Có đơn xin giải quyết vắng mặt) trình bày: Ông S C Y là cựu nhân viên của Công ty TNHH V C có thời gian làm việc cho công ty này từ ngày 15/8/2017 đến ngày 22/10/2018, ngày 12/10/2018 ông T và ông Y cùng đi đòi nợ khách hàng là bà Nguyễn Thị L, giám đốc Công ty P, bà L cho rằng Công ty V C thông báo cho bà biết ông T và ông Y không

còn là nhân viên của công ty nữa nên bà C không làm việc với ông T.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2019, người làm chứng bà Nguyễn Thị L (Có đơn xin vắng mặt) trình bày: Công ty P của bà nhận bán sản phẩm sơn Licaì cho Công ty TNHH V C. Ngày 11/10/2018, bà nhận được thông báo của Công ty TNHH V C về việc ông T không còn là nhân viên của Công ty TNHH V C nên ngày 12/10/2018, ông T có đến đòi công nợ nên bà có thông báo cho Công ty V C biết và bà C không làm việc với ông T nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Công ty TNHH V C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xác định hợp đồng lao động giữa ông Dương Minh T và Công ty V C là hợp đồng lao động không xác định thời hạn; do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật buộc Công Ty TNHH V C thanh toán cho nguyên đơn gồm: 02 tháng tiền lương (Theo HĐLĐ) là 9.025.000 đồng; 12 ngày lương của tháng 10/2018 là 16.874.205 đồng; tiền phụ cấp xăng xe tháng 9/2018 là 8.700.000 đồng; phụ cấp xăng xe 12 ngày của tháng 10/2018 là 2.900.000 đồng; tiền lương thực nhận của tháng 9/2018 là 36.560.778 đồng; lãi do chậm trả lương là 188.570 đồng; phụ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương theo hợp đồng lao động là 2.250.000 đồng; bồi thường khoản tiền vi phạm thời gian báo trước là 41 ngày x (36.560.778 đồng: 30 ngày) là 49.966.396 đồng. Tổng cộng buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là 126.464.949 đồng.

Do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu bị đơn buộc bị đơn Công ty TNHH V C nhận lại làm việc và thanh toán 02 tháng tiền lương là 73.121.556 đồng nên đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương, do bị đơn có trụ sở tại khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, căn cứ khoản 1 Điều 32, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 202 Bộ luật lao động, ông T nộp đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn Công ty TNHH V C vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn Ông Dương Minh T ký kết Hợp đồng lao động số 201700003 ngày 01/10/2017 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V C. Thời hạn hợp đồng làm việc là 12 tháng kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018. Chức danh chuyên môn: kỹ thuật viên, công việc ông Dương Minh T là nhân viên kỹ thuật sơn, quản lý từ 3 đến 10 công nhân sản xuất, chế biến sơn tại nhà xưởng của công ty hoặc khi có yêu cầu của khách hàng thì ông T sẽ trực đi xuống nơi khách hàng có yêu cầu sơn. Mức lương theo hợp đồng lao động là 4.512.500 đồng nhưng thực lãnh hàng tháng còn có các khoản như chức vụ: 300.000 đồng; phụ cấp trách nhiệm là 200.000 đồng; phụ cấp độc hại là 175.000 đồng; phụ cấp nhà ở: 1.000.000 đồng; hỗ trợ xăng 1.500.000 đồng; điện thoại 650.000 đồng; trợ cấp khác 5.000.000 đồng; hỗ trợ tiền ăn 390.000 đồng; thưởng hiệu suất 14.226.400 đồng; thưởng kỹ thuật 12.000.000 đồng; thưởng chuyên cần 300.000 đồng; tổng cộng là 40.000.000 đồng; trừ các khoản phải nộp là phí công đoàn 42.500 đồng; BHYT, TN 499.653 đồng; thuế thu nhập cá nhân 2.897.069 đồng, còn lại thực lãnh là 36.560.778 đồng. Ngoài ra, ông Tuấn còn được Công ty giao 01 xe ô tô con cử đi đòi nợ khách hàng trong và ngoài tỉnh hỗ trợ giúp công ty.

Ngày 15/10/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn V C ra thông báo (Không có số) chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Dương Minh T với lý do ông T không hoàn thành nhiệm vụ đi đòi nợ khách hàng như Công ty TNHH P và một số khách hàng mà Công ty giao và ông Tuấn không trả cho công ty số tiền công nợ mà khách hàng đã trả cho ông T.

[5] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên yêu cầu bồi thường tổng cộng tiền lương và tất cả các khoản là 339.345.387 đồng, đồng thời hủy quyết định cho thôi việc trái pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu nhận lại làm việc và không yêu cầu về tiền đóng BHXH, Bảo hiểm y tế cũng như Bảo hiểm thất nghiệp.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu công ty V C nhận lại làm việc và bồi thường 02 tháng tiền lương là 73.121.556 đồng, các khoản còn lại yêu cầu công ty V C phải bồi thường là 266.423.831 đồng, yêu cầu HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông Dương Minh T và bị đơn Công ty TNHH V C ký kết hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018, có quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, công việc phải làm, mức lương theo đúng quy định tại Điều 25 của Bộ luật lao động.

[8] Tuy nhiên, cho đến hết ngày 30/9/2018 ông T vẫn còn làm việc cho Công ty mà không giao kết hợp đồng lao động mới, như vậy đương nhiên ông T và Công ty đã xác lập quan hệ lao động không thời hạn theo khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động.

Ngày 15/10/2018, Công ty TNHH V C ban hành quyết định cho ông T nghỉ việc với lý do không hoàn thành nhiệm vụ, ông T không đồng ý với quyết định của Công ty.

[9] Xét tính pháp lý của việc xử lý kỷ luật hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của công ty đối với ông T: Khi công ty xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là không đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động, lý do công ty cho rằng ông T không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, Tòa án cũng ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 01/2019/QĐCCCC, ngày 10/01/2019 tổng đạt yêu cầu bị đơn giao nộp, cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ nhằm chứng minh được lỗi của người lao động.

[10] Khi xử lý kỷ luật lao động đối với ông T, Công ty không thông báo cho người lao động trước 45 ngày, không lập biên bản vi phạm đối với người lao động, không thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật, không có sự trao đổi và nhất trí với Ban chấp hành công đoàn cơ sở, công ty không lập biên bản xử lý kỷ luật lao động, không gửi quyết định xử lý kỷ luật lao động cho Sở lao động –Thương binh – Xã hội tỉnh Bình Dương (kèm theo biên bản xử lý kỷ luật lao động) là vi phạm các Điều 36, 37, 38 Bộ luật lao động và Điều 30 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định 05/2015/NĐ-CP. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng cố tình vắng mặt. Như vậy, đủ căn cứ xác định bị đơn từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với các yêu cầu khởi kiện ông T.

[11] Theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì bị đơn có trách nhiệm nhận ông T trở lại làm việc và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông T không được làm việc và ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động nhưng ông Tuấn không yêu cầu Công ty TNHH V C nhận trở lại làm việc, không yêu cầu thanh toán BHXH, BH thất nghiệp nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[12] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Về việc yêu cầu thanh toán tiền phụ cấp xăng xe trong tháng 9/2018 là 8.700.000 đồng; tiền phụ cấp xăng xe 12 ngày làm việc của tháng 10/2018 là 2.900.000 đồng; 12 ngày lương của tháng 10/2018 là 16.874.205 đồng; thanh toán tiền

lương thực lãnh của tháng 9/2018 là 36.560.778 đồng; tiền lãi do chậm trả lương là 188.570 đồng là phù hợp vì trong thời gian này, ông Tuấn còn làm việc cho công ty TNHH V C nên buộc công ty TNHH V C phải thanh toán cho ông T; buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn phụ cấp thôi việc cho một năm làm việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương theo hợp đồng lao động là 2.250.000 đồng.

[13] Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên theo Điều 38 Bộ luật lao động phải bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.512.500 đồng x 2 là 9.025.000 đồng là phù hợp với Điều 26a, Điều 30 của Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ, ông T yêu cầu thanh toán bằng 02 tháng lương thực lãnh của ông Tuấn với số tiền 36.560.778 đồng x 2 tháng = 73.121.534 đồng là không phù hợp.

[14] Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn đối với ông T vi phạm thời hạn báo trước là 41 ngày nên buộc công ty TNHH V C phải thanh toán khoản tiền lương thực lãnh tương ứng với thời hạn 41 ngày x (36.560.778 đồng: 30 ngày) là 49.966.396 đồng.

[15] Đối với Quyết định cho thôi việc (Không số) ngày 15/10/2018 của Công ty TNHH V C đối với ông Dương Minh T là trái pháp luật nên cần phải tuyên hủy quyết định này. Ông T không yêu cầu công ty nhận lại làm việc, không yêu cầu thanh toán tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế nên HĐXX ghi nhận.

[16] Do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu công ty TNHH V C phải nhận lại làm việc và bồi thường số tiền bằng 02 tháng tiền lương là 73.121.534 đồng nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[17] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động và Điều 26a, Điều 30 của Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định 05/2015/NĐ-CP nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát huyện Bắc Tân Uyên đề nghị là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

- Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 22, Điều 37, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 202 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH V C phải thanh toán 02 tháng tiền lương là 73.121.556 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Dương Minh T không yêu cầu Công ty TNHH Vũ Chấn phải nhận lại làm việc, không yêu cầu thanh toán tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh Tuấn về việc đòi bị đơn Công ty TNHH V C phải thanh toán các khoản như sau:

- Tiền lương thực lãnh của tháng 9/2018 là 36.560.778 đồng.
- 12 ngày tiền lương của tháng 10 năm 2018 là 16.874.205 đồng.
- 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.025.000 đồng.
- Tiền phụ cấp xăng xe tháng 9 năm 2018 là 8.700.000 đồng
- Tiền phụ cấp xăng xe tháng 10 năm 2018 là 2.900.000 đồng
- Tiền phụ cấp thôi việc là 2.250.000 đồng.
- Tiền lãi do chậm trả lương tháng 9/2018 là 188.570 đồng.
- Buộc công ty TNHH V C phải thanh toán khoản tiền lương thực lãnh tương ứng với thời hạn 41 ngày x (36.560.778 đồng: 30 ngày) là 49.966.396 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH V C phải bồi thường cho ông Dương Minh T tổng số tiền là 126.464.949 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH V C phải bồi thường với số tiền 139.958.882 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Dương Minh T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH V C phải chịu 6.323.247 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng